

Bản án số: 11/2023/DSPT
Ngày: 28/12/2023
“*V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Lương Quang

Ông Lê Trúc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sáu, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2023/TLPT-KDTM về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2023/KDTM-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2023/QĐ- PT ngày 06 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Hữu S, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên.

Ông S ủy quyền lại cho ông Trần Văn T, sinh năm 1980; Chức vụ: Giám đốc Phòng G - Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Võ Thị Thu S1**, sinh năm 1999; Địa chỉ: **Thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên**. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Phùng Văn T1**, sinh năm 1979, bà **Nguyễn Thị Mỹ P**, sinh năm 1982; Địa chỉ: **Thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên**. Bà **P** ủy quyền cho ông **T1** (theo giấy ủy quyền ngày 04/8/2023).
Đều vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà **Lê Thị H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Trần Văn T** trình bày:

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, bà **Lê Thị H** có vay của **Ngân hàng N1 – chi nhánh huyện T** số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) mục đích là nuôi tôm hùm, theo hợp đồng tín dụng số: 4602-LAV-202003651 ký ngày 24/12/2020. Lãi suất tại thời điểm cho vay là 9,3%/ năm; phương thức trả lãi tiền vay: 03 tháng/lần, số tiền vay gốc được thanh toán vào cuối kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn vay 12 tháng; thời hạn trả cuối cùng vào ngày 24/12/2021, có gia hạn đến ngày 26/12/2022.

Để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng ông **Phùng Văn T1**, bà **Nguyễn Thị Mỹ P** có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 2020268/HĐTC ký ngày 24/12/2020 là quyền sử dụng đất đối với: Diện tích đất 573,7m², thuộc thửa đất số 1066, tờ bản đồ 29, tọa lạc tại: **Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên**, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn: 200m²; đất trồng cây hằng năm khác: 373,7m² do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh P** cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 417537 cấp ngày 09/6/2017, đã được Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện T**, tỉnh Phú Yên chính lý sang tên **Phùng Văn T1** ngày 10/12/2020; Thửa đất có 230m² đất HNK nằm trong quy hoạch hành lang đường sắt.

Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho bà **H** theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng đến hạn trả nợ Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc nhưng bà **H** không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng;

Tính đến ngày 22/9/2023, bà **H** còn nợ **Ngân hàng N1** số tiền là 2.612.519.452đ (tiền gốc: 2.000.000.000đ và tiền lãi 612.519.452đ)

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà **H** phải trả toàn bộ số tiền 2.612.519.452đ, gồm: số tiền vay gốc là 2.000.000.000đ, số tiền lãi tính đến ngày 22/9/2023 là 612.519.452đ (trong đó: lãi trong hạn 530.683.836đ, lãi quá hạn 81.835.616đ). Yêu cầu bà **H** phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên. Nếu bà **H** không trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

* Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị **Võ Thị Thu S1** trình bày: chị **S1** thừa nhận vào ngày 24/12/2020, mẹ chị **S1** là bà **Lê Thị H** có ký hợp đồng tín dụng vay của **ngân hàng nông nghiệp PTNT huyện N1** 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) với mục đích vay, thời hạn và lãi suất như Ngân hàng khởi kiện là đúng. Để đảm bảo cho khoản vay của bà **H**, vợ chồng ông **Phùng Văn T1**, bà **Nguyễn Thị Mỹ P** có thể chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020268/HĐTC ký ngày 24/12/2020 là quyền sử dụng đất đối với: Diện tích đất 573,7m², thuộc thửa đất số 1066, tờ bản đồ 29, tọa lạc tại: **Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên**.

Chị **S1** thừa nhận, tổng số tiền gốc và lãi hiện nay bà **H** còn nợ Ngân hàng như Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên, do điều kiện làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Mong Ngân hàng xem xét, còn trường hợp nếu bị đơn bà **H** không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* Quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông **Phùng Văn T1**, bà **Nguyễn Thị Mỹ P** trình bày: Do có quan hệ quen biết, năm 2020, bà **Lê Thị H** có vay tiền của Chi nhánh **Ngân hàng nông nghiệp và PTNT huyện N1** với số tiền 2.000.000.000 đồng, mục đích vay là nuôi tôm hùm. Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 24/12/2020 vợ chồng ông **T1**, bà **P** có thể chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 2020268/HĐTC ký ngày 24/12/2020 là quyền sử dụng đất đối với: diện tích 573,7m² (trong đó 200m² đất ở nông thôn, và 373,7m² đất trồng cây hằng năm khác), thuộc thửa đất số 1066, tờ bản đồ 29, tọa lạc tại: **Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên** là đúng. Thửa đất có 230m² đất HNK nằm trong quy hoạch hành lang đường sắt.

Về diện tích đất 573,7m² (có 230m² đất HNK nằm trong quy hoạch hành lang đường sắt) nói trên đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 417537 do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh P** cấp ngày 09/6/2017 (chỉnh lý ngày 10/12/2020) là của vợ chồng ông **T1**, bà **P**. Việc thế chấp tài sản để bà **H** vay vốn là trên tinh thần tự nguyện của vợ chồng ông **T1**, bà **P**, trường hợp bà **H** không trả nợ thì phía Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản của vợ chồng ông **T1**, bà **P** đã thế chấp để thu hồi nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/KDTM-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã quyết định:

Căn cứ Điều 299, 317, 318, 323, 325, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 147, 157, 158, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn bà **Lê Thị H** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng N1** số tiền 2.612.519.452đ (*Hai tỷ sáu trăm mười hai triệu năm trăm mười chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*) (trong đó tiền gốc 2.000.000.000đ, tiền lãi trong hạn 530.683.836đ, tiền lãi quá hạn 81.835.616đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà **Lê Thị H** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà **H** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà **H** không trả được nợ cho **ngân hàng N1** thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với diện tích 573,7m², thuộc thửa đất số 1066, tờ bản đồ 29, đo đạc năm 2012 tọa lạc tại: **Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên**, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn: 200m²; đất trồng cây hằng năm khác: 373,7m² (có 230m² đất HNK nằm trong quy hoạch hành lang đường sắt) do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh P** cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 417537 cấp ngày 09/6/2017, đã được Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện T**, tỉnh Phú Yên chỉnh lý sang tên **Phùng Văn T1** ngày 10/12/2020) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 2020268/HĐTC ký ngày 24/12/2020 và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/10/2023, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: trong quá trình giải quyết vụ án, Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Bản án sơ thẩm không tuyên nội dung phát mãi tài sản khác của bị đơn để thu hồi nợ như kháng cáo của bị

đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không c kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên là kháng cáo hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, bà **H** vắng mặt ủy quyền cho bà **S1**; ông **T1**, bà **P** đã được Tòa án sơ thẩm triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt và tại phiên tòa phúc thẩm ông **T1**, bà **P** tiếp tục vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 BTTDS xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn: Theo đơn kháng cáo ngày 13/10/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày lý do kháng cáo là Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết yếu tố khách quan như trên đất thế chấp còn tồn tại nhà cửa nhưng chưa thẩm định, định giá mà đã tuyên án, trong khi bản án tuyên nếu không đủ tài sản thì phát mãi tài sản khác. Ngoài ra, bị đơn chấp nhận nội dung của bản án sơ thẩm về số tiền nợ gốc và lãi còn phải trả cho Ngân hàng.

[3] Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ và sự thừa nhận của bị đơn bà **Lê Thị H** về việc có vay nợ và còn nợ của nguyên đơn với số tiền là 2.612.529.452đ, gồm: số tiền vay gốc là 2.000.000.000đ, số tiền lãi tính đến ngày 22/9/2023 là 612.519.452đ (trong đó: lãi suất trong hạn 530.683.836đ, lãi suất quá hạn 81.835.616đ) theo Hợp đồng tín dụng số: 4602-LAV-202003651 ký ngày 24/12/2020. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn không kháng cáo nội dung này nên HĐXX không xem xét.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn về nội dung bản án sơ thẩm tuyên xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ tài sản thì phát mãi tài sản khác: Ngày 30/5/2023, cấp sơ thẩm đã lập biên bản thẩm định tài sản thế chấp thấy trên đất thế chấp còn tồn tại ngôi nhà cấp 4; 06 cây xoài và 01 giếng khoan và theo lời trình bày của nguyên đơn thì các tài sản này cũng thuộc tài sản thế chấp theo như hợp đồng thế chấp đã ký kết, các bên không có thỏa thuận nào khác. Tại mục 2 phần Quyết định của Bản án KDTMST số 02/2023/KDTM-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An tuyên: “*Trường hợp bà **H** không trả được nợ cho **ngân hàng NI** thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với diện tích 573,7m², thuộc thửa đất số 1066, tờ bản đồ 29, đo đạc năm 2012 tọa lạc tại: **Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên**, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn: 200m²; đất trồng cây hàng năm khác: 373,7m² (có 230m² đất HNK nằm trong quy*

hoạch hành lang đường sắt) do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh P cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 417537 cấp ngày 09/6/2017, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Phú Yên chỉnh lý sang tên Phùng Văn T1 ngày 10/12/2020) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 2020268/HĐTC ký ngày 24/12/2020 và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ”, không tuyên xử nội dung nếu không đủ tài sản trong hợp đồng thế chấp thì phát mãi tài sản khác của bị đơn Lê Thị H như bị đơn kháng cáo nên nội dung kháng cáo của bị đơn không thuộc nội dung tuyên của bản án sơ thẩm, do đó HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Thị H, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về án phí: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí KDTMPT theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 299, 317, 318, 323, 325, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 147, 157, 158, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 số tiền 2.612.519.452đ (Hai tỷ sáu trăm mười hai triệu năm trăm mười chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) (trong đó tiền gốc 2.000.000.000đ, tiền lãi trong hạn 530.683.836đ, tiền lãi quá hạn 81.835.616đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà H không trả được nợ cho ngân hàng N1 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với diện tích 573,7m², thuộc thửa đất số 1066, tờ bản đồ 29, đo đạc năm 2012 tọa lạc tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn: 200m²; đất trồng cây hàng năm khác: 373,7m² (có

230m² đất HNK nằm trong quy hoạch hành lang đường sắt) do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh P cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 417537 cấp ngày 09/6/2017, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Phú Yên chỉnh lý sang tên Phùng Văn T1 ngày 10/12/2020) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 2020268/HĐTC ký ngày 24/12/2020 và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 84.250.389đ (T2 mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn ba trăm tám mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí KDTMPT, nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0010526 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên nên còn phải nộp 84.250.389đ (T2 mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn ba trăm tám mươi chín đồng).

- H1 lại cho Ngân hàng N1 số tiền 40.217.650đ (Bốn mươi triệu hai trăm mười bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0009552 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

4. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: bà Lê Thị H phải chịu 2.371.000 đồng. Ngân hàng N1 đã nộp tạm ứng số tiền 2.371.000 đồng nên bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 2.371.000đ (Hai triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- P.KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà